



bǎo hù shén
保护神

noun · guardian deity; protector

Example Sentences

Mā ma shì wǒ de bǎo hù shén

妈妈是我的保护神。

Mom is my protector.

Zài chuán shuō zhōng zhè zhī shén shòu shì cūn zhuāng de bǎo hù shén

在传说中，这只神兽是村庄的保护神。

In legend, this mythical beast is the village's guardian deity.

Trace each character, then write the word on your own.

保	保	保	保	保	保	保	保	保	保	保
保										
护	护	护	护	护	护	护	护	护	护	护
神	神	神	神	神	神	神	神	神	神	神
神										